TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **179**/2020/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Tho, ngày 05 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 377/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 08/11C Nguyễn Văn N, khu phố bảy, phường tám, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn L**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 51 Trương Vĩnh K, khu phố năm, phường bảy, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81,Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Phạm Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 02/9/1999 (đã trưởng thành) và Phạm Đức P, sinh ngày 27/6/2007. Giao cháu Phạm Đức P,

sinh ngày 27/6/2007 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D nuôi dưỡng, anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ D tự nguyện chịu 150.000 đồng, khấu trừ vào số tiền chị D đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001568 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, nên chị Nguyễn Thị Mỹ D được hoàn lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự:
  + Chị Nguyễn Thị Mỹ D;
  + Anh Phạm Văn L;
- VKSND TP.MT, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục thi hành án DS TP.MT;
- UBND Phường bảy, TP.MT, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án-s.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đinh Thị Sang